

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS - PT
Ngày 22 - 03 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Kim N, sinh năm 1960

Cư trú tại: khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền Bà Đặng Thị N1, sinh năm 1969 (văn bản uỷ quyền ngày 19/3/2019)

Cư trú tại: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu(*có mặt*).

- Bị đơn: Ông Trương Quốc L, sinh năm 1966

Cư trú tại: khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Triệu Thị T1, sinh năm 1969 (văn bản uỷ quyền ngày 25/3/2015)

Cư trú tại: Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản uỷ quyền ngày 25 tháng 3 năm 2015 (*có mặt*).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1960
Cư trú tại: Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
Người đại diện theo uỷ quyền Bà Đặng Thị N1, sinh năm 1969 (văn bản uỷ quyền ngày 19/3/2019)
Cư trú tại: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu(*có mặt*).
 2. Bà Triệu Thị T1, sinh năm 1969
Cư trú tại: Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (*có mặt*).
 3. Chị Trương Triệu Ngọc H1, sinh năm 1994, chị Trương Triệu Bội H2, sinh năm 1996 và chị Trương Triệu Như H3, sinh năm 2002
Cùng cư trú tại: Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
Người đại diện theo pháp luật và đại diện theo uỷ quyền: Bà Triệu Thị T1, sinh năm 1969 (văn bản uỷ quyền cùng ngày 17/8/2018)
Cư trú tại: Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản uỷ quyền ngày 07 tháng 8 năm 2015 (*có mặt*).
 4. Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1954
 5. Bà Trương Thị H5, sinh năm 1958
Cùng cư trú tại: ấp B1, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (*cùng có đơn yêu cầu vắng mặt*).
 6. Ông Trương Văn V1, sinh năm 1947
 7. Bà Thái Thị Cúc H6, sinh năm 1949
Cùng cư trú tại: Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (*cùng có đơn yêu cầu vắng mặt*).
 8. Ủy ban nhân dân thị xã G. Địa chỉ: khóm Z, phường M, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Thanh T2, chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G. Địa chỉ: Khóm Z, phường M, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản uỷ quyền số 578/UBND ngày 05 tháng 7 năm 2018 (*có đơn yêu cầu vắng mặt*).
- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đặng Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Kim N trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do bà nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông H4 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên chỉ làm giấy biên nhận ngày 11 tháng 5 năm 1998, trong đó có đường hẻm đi ra lộ ngang 01 mét. Khi Ngân hàng thương mại cổ phần Đ xây dựng lên phần đất cấp ranh thì phát hiện vợ chồng ông L lấn chiếm phần đất

theo biên bản đo đạc là $4,6m^2$. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L giao trả phần đất là $4,6m^2$ tọa lạc Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn ông Trương Quốc L trình bày:* Phần đất tranh chấp vợ chồng ông đã cất nhà ở, có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông V1, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên chỉ làm tờ chuyển nhượng ngày 13 tháng 11 năm 1996. Phần đất vợ chồng ông cất nhà ở không có lần chiếm đất của bà N nên không đồng ý theo yêu cầu bà N.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N2 trình bày:* Ông là chồng của bà Đặng Kim N, ông thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Đặng Kim N, không có ý kiến bổ sung.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị T1 trình bày:* Bà là vợ của ông Trương Quốc L, bà thống nhất theo lời trình bày của ông Trương Quốc L và không có ý kiến bổ sung.

- *Người đại diện theo ủy quyền và đại diện theo pháp của chị Trương Triệu Ngọc H1, chị Trương Triệu Bội H2, chị Trương Triệu Như H3 trình bày:* Chị Trương Triệu Ngọc H1, chị Trương Triệu Bội H2, chị Trương Triệu Như H3 là con ông L và bà T1, thống nhất theo lời trình bày của ông Trương Quốc L và không có ý kiến bổ sung.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H4 và bà Trương Thị H5 trình bày:* Vào ngày 11 tháng 05 năm 1998 ông, bà có chuyển nhượng cho bà N diện tích đất nền ngang 08m dài đến cây dừa phía sau với giá 26 chỉ vàng 24k. Các bên có làm giấy biên nhận viết tay ngày 11 tháng 05 năm 1998. Khi chuyển nhượng ông có chuyển nhượng cả phần lối đi ngang 01m. Nay các bên phát sinh tranh chấp ông không có ý kiến vì đất ông đã chuyển nhượng cho bà N.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn V1 và bà Thái Thị C trình bày:* Vào ngày 13 tháng 11 năm 1996 ông, bà có chuyển nhượng cho ông Trương Quốc L diện tích đất ngang 08m dài 29m (chiều dài tính từ tim lộ). Hướng Tây giáp với ranh đất bà C1 qua 08m và đường hẻm còn 01m (hẻm giáp Ngân hàng Đ). Nay các bên phát sinh tranh chấp ông không có ý kiến, do phần đất ông đã chuyển nhượng cho ông L.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã G trình bày:*

Phần đất tranh chấp có diện tích $4,6m^2$, trong đó: Phần đất diện tích $2,8m^2$ thuộc một phần thửa số 11 tờ bản đồ số 58 do ông Nguyễn Văn N2 kê khai đăng ký theo dự án 378; Phần đất diện tích $1,9m^2$ thuộc một phần thửa số 22 tờ bản đồ số 58 do ông Trương Quốc L kê khai đăng ký theo dự án 378. Cả hai phần đất nêu trên vẫn chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí hai phần đất này đã được thể hiện tại công văn số 64 ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G và được lấy tròn số từ diện tích $2,75m^2 + 1,89m^2$. Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng các bên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân thị xã G sẽ cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất theo bản án Tòa án đã tuyên khi có hiệu lực pháp luật và khi đương sự đến yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim N: Buộc ông Trương Quốc L và bà Triệu Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Kim N1 và ông Nguyễn Văn N2 giá trị một phần đất lấn chiếm là 18.260.800 đồng.

2. Công nhận phần đất diện tích 4,60m², trong đó: 2,8m² thuộc một phần thửa đất số 11 tờ bản đồ 58 do ông Nguyễn Văn N2 đăng ký kê khai theo dự án 378; 1,9m² thuộc một phần thửa đất số 22 tờ bản đồ 58 do ông Trương Quốc L đăng ký kê khai theo dự án 378 tọa lạc khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cho ông Trương Quốc L và bà Triệu Thị T1, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp Đặng Kim N cạnh dài: 15,50 + 1,76m

Hướng Tây giáp Trương Quốc L, bà T1 cạnh dài: 15,51 + 1,82m

Hướng Nam giáp Quốc lộ 1A cạnh dài: 0,27m.

Hướng Bắc giáp Đặng Kim N cạnh dài: 0,27m

Ông Trương Quốc L và bà Triệu Thị T1 có quyền đi đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chi phí xem xét thẩm định, định giá:

Bà Đặng Kim N và ông Nguyễn Văn N2 phải chịu án phí là 300.000 đồng, bà N đã dự nộp tạm ứng án phí 750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 005405 ngày 18 tháng 3 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) G được chuyển sang thu án phí và bà N còn được nhận lại 450.000 đồng.

Buộc ông Trương Quốc L và bà Triệu Thị T1 phải chịu nộp án phí là 913.000 đồng.

Chi phí xem xét thẩm định, định giá 02 lần là 1.650.000 đồng, bà N và ông N2 phải chịu 660.000 đồng, ông L và bà T1 phải chịu 990.000 đồng. Bà N đã dự nộp 1.650.000 đồng nên buộc ông L và bà T1 có trách trả cho bà Nguyễn 990.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về áp dụng Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn bà Đặng Kim Ng kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Yêu cầu ông Trương Quốc L và bà Triệu Thị T 1 phải có nghĩa vụ giao trả lại phần đất mà ông L lấn chiếm ngang 0,27m theo biên bản đo đạc của Hội đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Kim N, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và đề nghị rút kinh nghiệm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Phần đất tranh chấp qua kết quả đo đạc thực tế theo biên bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31 tháng 01 năm 2018 có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp Đặng Kim N cạnh dài: 15,50m + 1,76m

Hướng Tây giáp Trương Quốc L, bà T1 cạnh dài: 15,51m + 1,82m

Hướng Nam giáp Quốc lộ 1A cạnh dài: 0,27m.

Hướng Bắc giáp Đặng Kim N cạnh dài: 0,27m

Diện tích 4,6m², trong đó: Diện tích 2,8m² thuộc một phần thửa đất số 11 tờ bản đồ 58 do ông Nguyễn Văn N2 đăng ký kê khai theo dự án 378. Diện tích 1,9m² thuộc một phần thửa đất số 22 tờ bản đồ 58 do ông Trương Quốc L đăng ký kê khai theo dự án 378; tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Nguyên đơn bà Đặng Kim N xác định: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do bà Nguyên nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông H4 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên chỉ làm giấy biên nhận ngày 11 tháng 5 năm 1998, trong đó có đường hẻm đi ra lộ ngang 01 mét. Lời trình bày của ông H4, bà H5 phù hợp với lời trình bày của bà N. Nay bà chỉ còn sử dụng ngang 0,73m, ông L đã lấn chiếm ngang 0,27m, nên bà yêu cầu vợ chồng ông L giao trả phần đất diện tích là 4,6m².

[4] Bị đơn ông Trương Quốc L xác định: Phần đất tranh chấp vợ chồng ông đã cất nhà ở, có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông V1, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên chỉ làm tờ chuyển nhượng ngày 13 tháng 11 năm 1996. Phần đất vợ chồng ông cất nhà ở không có lấn chiếm đất của bà N nên không đồng ý theo yêu cầu bà N. Lời trình bày của ông L phù hợp với lời trình bày của ông V1 là người chuyển nhượng đất cho ông L.

[5] Tại Công văn số 64/TNMT ngày 18/12/2015 Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G xác định: Diện tích đất tranh chấp là $4,6\text{m}^2$; trong đó diện tích $2,8\text{m}^2$ thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 58 do ông Nguyễn Văn N2 (chồng bà Đặng Kim N) kê khai đăng ký dự án 378. Diện tích $1,9\text{m}^2$ thuộc một phần thửa số 22, tờ bản đồ số 58 do ông Trương Quốc L đăng ký dự án 378. Cả hai phần đất nêu trên vẫn chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí hai phần đất được lấy tròn số từ diện tích $2,75\text{m}^2 + 1,89\text{m}^2$.

[6] Xét kháng cáo của bà N thấy rằng: Phần đất tranh chấp có diện tích $4,6\text{m}^2$ vợ chồng ông L đã cất nhà ở kiên cố từ năm 2011, phần diện tích $4,6\text{m}^2$ nằm trọn dưới vách nhà của ông L từ trước đến sau; trong đó diện tích $2,8\text{m}^2$ do ông N2 (chồng bà N) kê khai theo dự án 378, diện tích $1,9\text{m}^2$ do ông L kê khai theo dự án 378. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định phần đất có diện tích $1,9\text{m}^2$ thuộc một phần thửa số 22, tờ bản đồ số 58, vợ chồng ông L, bà T1 không có lần chiếm đất của vợ chồng ông N2, bà N. Có căn cứ xác định diện tích $2,8\text{m}^2$ thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 58 vợ chồng ông L, bà T1 đã sử dụng lăm chiếm phần đất của vợ chồng ông N2, bà N. Tuy nhiên, khi vợ chồng ông L, bà T1 cất nhà ở kiên cố vào năm 2011 thì vợ chồng ông N2, bà N không phản đối, không ngăn cản. Xét thấy, do hiện nay vợ chồng ông L, bà T1 đã cất nhà ở kiên cố và nếu đập phần vách nhà của ông L, bà T1 để giao trả phần đất cho ông N2, bà N thì sẽ ảnh hưởng, hư hỏng phần lớn căn nhà ông L, bà T1. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với diện tích $1,9\text{m}^2$ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc vợ chồng ông L, bà T1 có nghĩa vụ trả giá trị phần đất diện tích $2,8\text{m}^2$ thành tiền là 18.268.800 đồng là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Kim N, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G tỉnh Bạc Liêu.

[8] Về án phí: Đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét đến giá trị đất, chỉ xem xét quyền sử dụng đất là của ai và do cấp sơ thẩm thụ lý vụ án từ năm 2015, nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án, thì vợ chồng ông N2, bà N và vợ chồng ông L, bà T1 mỗi vợ chồng chỉ phải chịu án phí là 200.000 đồng, nhưng án sơ thẩm buộc vợ chồng ông N2, bà N phải chịu án phí 300.000 đồng, buộc vợ chồng ông L, bà T1 phải chịu án phí là 913.000 đồng là chưa đúng quy định. Tuy nhiên, do các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị phần này, nên cấp phúc thẩm căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự không xem xét do phạm vi xét xử phúc. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Kim N nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 92, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ các Điều 10, 49 của Luật đất đai năm 2003; Căn cứ Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/06/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Kim N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim N. Buộc ông Trương Quốc L và bà Triệu Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Kim N và ông Nguyễn Văn N2 giá trị quyền sử dụng đất diện tích 2,8m² thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 58 do ông Nguyễn Văn N2 đứng tên kê khai theo dự án 378, tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, thành tiền là 18.260.800 đồng.

2. Công nhận phần đất diện tích 4,60m², trong đó: 2,8m² thuộc một phần thửa đất số 11 tờ bản đồ 58 do ông Nguyễn Văn N2 đăng ký kê khai theo dự án 378; 1,9m² thuộc một phần thửa đất số 22 tờ bản đồ 58 do ông Trương Quốc L đăng ký kê khai theo dự án 378 tọa lạc khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cho ông Trương Quốc L và bà Triệu Thị T1, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp Đặng Kim N cạnh dài: 15,50 + 1,76m

Hướng Tây giáp Trương Quốc L, bà T1 cạnh dài: 15,51 + 1,82m

Hướng Nam giáp Quốc lộ 1A cạnh dài: 0,27m.

Hướng Bắc giáp Đặng Kim N cạnh dài: 0,27m

Ông Trương Quốc L và bà Triệu Thị T1 có quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định, định giá:

Án phí sơ thẩm Bà Đặng Kim N và ông Nguyễn Văn N2 phải chịu án phí là 300.000 đồng, bà N2 đã dự nộp tạm ứng án phí 750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 005405 ngày 18 tháng 3 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) G được chuyển sang thu án phí và bà N còn được nhận lại

450.000 đồng. Ông Trương Quốc L và bà Triệu Thị T1 phải chịu nộp án phí 913.000 đồng.

Chi phí xem xét thẩm định, định giá 02 lần là 1.650.000 đồng, bà N và ông N2 phải chịu 660.000 đồng, ông L và bà T1 phải chịu 990.000 đồng. Bà N đã dự nộp 1.650.000 đồng nên buộc ông L và bà T1 có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 990.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Kim N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012561 ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TX. G;
- CCTHADS TX. G;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thanh Dũng